

Bản án: 455/2024/DS-PT

Ngày 21 - 6 - 2024

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS-ST ngày 6 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1896/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: số nhà D, C, Khu phố F, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đã chết ngày 30- 01-2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T: Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1967; anh Lê Thanh V, sinh năm: 1992 và Lê Đình P, sinh năm: 1997; cùng địa chỉ: số nhà D, đường C, khu phố F, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của ông L, anh V, anh P: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số C, đường H, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số H hẻm C, đường T, khu phố A, Phường B, thành phố T; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 18-5-2020). (có mặt).

- Bị đơn: Bà Tiêu Kim N, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà Tiêu Kim N1: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1960; địa chỉ: số G đường T, khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 18-7-2020). (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Điền H, sinh năm: 1959; Địa chỉ: khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

2. Ông Nguyễn Điền S, sinh năm: 1963; Địa chỉ: khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm: 1968; Địa chỉ: khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

4. Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm: 1966; Địa chỉ: khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của ông H, ông S, bà Đ: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số C, đường H, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số H hẻm C, đường T, khu phố A, Phường B, thành phố T. (có mặt).

5. Ông Tiêu Vĩnh L2 (L3), sinh năm: 1951; Địa chỉ: khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

6. Bà Tiêu Thị Kim C1, sinh năm: 1953; Địa chỉ: Số H đường T, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

7. Ông Tiêu Trọng T1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Số A, đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Ông Tiêu Nhật Q sinh năm: 1957; Địa chỉ: D đường C, khu phố F, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

9. Bà Tiêu Thị Phượng L4, sinh năm: 1961; Địa chỉ: D đường C, khu phố F, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

10. Ông Tiêu Nhật N2, sinh năm: 1964; Địa chỉ: A đường N, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

11. Anh Tiêu Anh T2, sinh năm: 1976; Địa chỉ: số A, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

12. Anh Tiêu Anh K, sinh năm: 1974; Địa chỉ: A N, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

13. Bà Tiêu Mỹ L5, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số G, hẻm A đường P, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

14. Bà Tiêu Thị Mộng X, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số A, đường P, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

15. Bà Tiêu Mỹ L6, sinh năm 1968; địa chỉ: số D, hẻm S, đường P, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

16. Ông Tiêu Nhựt H1, sinh năm 1974; địa chỉ: H T, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

17. Chị Tiêu Tuyết N3, sinh năm 1993 và Tiêu Tuyết L7, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: Số E, hẻm A, P, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

18. Ông Tiêu Nhựt N4, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số A, N, Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

19. Chị Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh năm: 1983 và anh Nguyễn Công H2, sinh năm: 1985; cùng địa chỉ: Số A, N, Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

20. Anh Mai Thành C2, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ B, Cụm T, Phường N, Quận T, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C2: bà Vũ Thị Thu H3, sinh năm 1976; anh Phạm Xuân D, sinh năm 1987; chị Trần Thị N5, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: tầng B, TNR Tower, E N, quận Đ, thành phố Hà Nội; (đề nghị xét xử vắng mặt).

21. Ông Lạc Như H4, sinh năm: 1974; ông Lạc Thanh D1, sinh năm: 1975; ông Lạc Hồng Hoàng A, sinh năm: 1977 và ông Lạc Minh Q2, sinh năm: 1979; Địa chỉ: A, Nordic hill cir S1 spring MD 20906, Washington DC;

22. Bà Tiêu Kim Á, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Không rõ địa chỉ; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn V1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T và người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (ông Lê Thanh L, anh Lê Thanh V, anh Lê Đình P) là ông Nguyễn Văn V1 trình bày:

Ông, bà ngoại của bà T là cụ Tiêu Văn T3 và cụ Lý Thị M chung sống có 10 người con, gồm:

1. Bà Tiêu Thị Mộng H5 (chết năm 2020) có 05 người con gồm: Nguyễn Điền H, Nguyễn Điền S, Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Thị Mỹ C và Nguyễn Thị Phương T (chết ngày 08-01-2022; có chồng là Lê Thanh L và 02 người con là Lê Thanh V và Lê Đình P);

2. Ông Tiêu Văn T4 (chết năm 1988) có 09 người con gồm: Tiêu Nhựt Đăng (chết năm 2000, có 02 con là Tiêu Tuyết N3, Tiêu Tuyết L); Tiêu Thị Mộng X; Tiêu Nhựt N4; Tiêu Nhựt H1, Tiêu M; Tiêu M; Tiêu Kim Á; Tiêu Anh T2; Tiêu Anh K;

3. Bà Tiêu Kim H6 (chết năm 2018) có 04 người con gồm: Lạc Như H4; Lạc Thanh D1; Lạc Hồng Hoàng A và Lạc Minh Q2;

4. Ông Tiêu Vĩnh L2 (L3);

5. Bà Tiêu Thị Kim C1;
6. Bà Tiêu Kim N1;
7. Ông Tiêu Nhật Q;
8. Ông Tiêu Trọng T1;
9. Bà Tiêu Thị Phượng L4;
10. Ông Tiêu Nhựt N2.

Khi còn sống, cụ T3 cụ M có tạo lập tài sản là phần đất diện tích 5.593m², tọa lạc tại A đường T, Khu phố A Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này là Tịnh xá Ngọc T5, trước đây bị ông Đỗ Văn B chiếm giữ; nên mẹ của bà T là bà Tiêu Thị Mộng H5 và tất cả các anh chị em của bà H5 có làm văn bản ủy quyền cho bà Tiêu Kim N1 đi khiếu nại, tranh chấp với ông B và sau đó ông B chấp nhận trả lại phần đất nói trên vào năm 2015; sau đó các di, các cháu đồng ý ủy quyền để cho bà N1 đứng ra xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), với điều kiện là giữ nguyên hiện trạng và làm nơi tu hành, thờ cúng ông bà; đồng thời làm nơi họp mặt gia đình, hoàn toàn không được chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp dưới bất cứ hình thức nào, nếu chưa có sự đồng ý của những người thừa kế. Sau đó, bà N1 được cấp GCNQSDĐ.

Sau khi mẹ bà T là bà Tiêu Thị Mộng H5 chết thì bà N1 đăng bảng chuyển nhượng phần đất trên mà không thông qua những người thừa kế.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà Tiêu Kim N1 chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 5.593m², tọa lạc tại A đường T, Khu phố A Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho tất cả những người thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tiêu Kim N1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn- bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ thừa kế của cụ Tiêu Văn T3 (sinh 1917 chết năm 1986), cụ Lý Thị M (sinh 1918 chết năm 1985). Cụ T3, cụ M có 10 người con như nguyên đơn trình bày là đúng.

Khi còn sống, cụ T3, cụ M tạo lập được phần đất diện tích khoảng 5.000m², tọa lạc tại số: 197, đường T, Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất, cụ T3, cụ M xây dựng tịnh xá Ngọc T5 cho mẹ cụ M là cố Huỳnh Thị N6 (pháp danh Minh N7) ở và tu hành. Khi bà ngoại, cha mẹ và anh của bà N7 lần lượt qua đời đều an táng tại đây. Bà N7 quản lý và đăng ký ruộng đất, ngày 18-4- 1991 bà N7 được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 202/ĐKRĐ thửa đất nêu trên với diện tích 5.000m² và cũng chính bà N7 trực tiếp nộp thuế đất cho nhà nước từ năm 1992 đến nay. Năm 1993, bà N7 xây dựng hàng rào và nhà bếp trên đất.

Ngày 17-4-1995 bà N7 làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh T và các ban ngành xin cho ông Đỗ Văn B (pháp danh Thích Giác T6) về trụ trì tịnh xá Ngọc T5 và được Ủy ban nhân dân tỉnh T đồng ý tại công văn số 101/CV-UB ngày 04-8-1995. Khi đến trụ trì Tịnh xá Ngọc T5, ông B đã lập giấy cam kết ngày 05-9- 1995 có nội dung: “Tôi xin nguyện hết lòng hoạt động phật sự đúng theo tinh thần pháp

luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời tôn trọng chủ quyền đất của bà Tiêu Kim N1, không làm ảnh hưởng đến chủ quyền đất đai của bà Tiêu Kim N1”. Bản cam kết này được Ban quản lý khu phố và chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A1, thị xã T xác nhận ngày 05-9-1995.

Năm 1997 bà N1 có đơn xin phép sửa chữa, xây dựng lại Tinh xá Ngọc T5, được Ủy ban nhân dân thị xã T đồng ý tại công văn số 16/CV-UB ngày 01-3-1997 và bà đã sửa chữa tinh xá Ngọc T5 lại khang trang hơn, tất cả là tiền của cá nhân bà N1 bỏ ra.

Trong quá trình ở giảng đạo, đến năm 1997, ông B đã đến Sở Địa chính Tây Ninh hợp thức hóa chủ quyền nhà đất tinh xá N, nên giữa bà N1 và ông B xảy ra tranh chấp.

Ngày 20/3/1997 tất cả các anh chị em của bà N1 (trừ ông T4 đã chết và bà H6 đang ở nước ngoài) còn lại là: Tiêu Thị Mộng H5 (mẹ chị T), Tiêu V, Tiêu Thị Kim C1, Tiêu Nhật Q, Tiêu Trọng T1, Tiêu Thị Phụng L4, Tiêu Nhật N2 ký “Giấy ủy quyền” cho bà N1. Nội dung ghi: “*Nguyên cha mẹ chúng tôi là ông Tiêu Văn T3 sinh năm 1917 và bà Lý Thị M là chủ sở hữu nhà và đất tại số B đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã T (tinh xá N). Theo luật thừa kế chúng tôi là đồng sở hữu thừa kế phần đất trên, chúng tôi đồng ý ủy quyền sử dụng đất và sở hữu nhà cho em và chị chúng tôi là: Tiêu Kim N1 sinh năm 1955, ngụ tại A, đường N, khu phố B, Phường B, thị xã T, kể từ nay bà Tiêu Kim N1 được quyền thừa hưởng và sử dụng phần đất trên. Sau này chúng tôi không ai được quyền tranh chấp.*” Tất cả 07 người đồng ký tên; có chứng thực của trưởng Khu phố 2 (nơi bà H5, ông Q, ông N2) đăng ký hộ khẩu; Ban A1 (nơi ông Tiêu Vĩnh L2 đăng ký hộ khẩu); xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B2, xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường C3 (nơi thường trú của ông Tiêu Trọng T1 và bà Tiêu Thị Phụng L4).

Như vậy, các anh chị em của bà N1 đã giao hẳn phần nhà đất cho bà N1 được quyền sở hữu, sử dụng. Một mình bà đã đi khiếu nại việc tranh chấp đất với ông Đỗ Văn B, bà N1 đã bỏ công ăn việc làm đi từ địa phương tới trung ương như: Bộ phận tiếp dân Văn phòng trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch Quốc hội... tại Hà Nội để khiếu kiện.

Ngày 17/12/2012 Văn phòng C4 có thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân P1, về việc giải quyết khiếu nại của bà Tiêu Kim N1. Trong đó nội dung đồng ý quyết định số 106/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh T là giao phần đất 5.000m² (tinh xá Ngọc T5) cho bà T7 Kim Ngọc quản lý và sử dụng theo luật Đất đai.

Suốt 15 năm trời bà N1 mới được nhà nước công nhận và cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 406266 diện tích 4.848,70m² do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp cho bà N1 ngày 22/10/2013. Trong 15 năm này, các anh chị em bà N1 không ai có ý kiến gì khác, cũng không ai phụ bà N1 một đồng nào về vật chất hoặc ủng hộ tinh thần để bà N1 có tinh thần đi tiếp.

Ngày 27/3/2020 bà N1 chuyển nhượng cho ông Mai Thành C2 (ở Hà Nội) một phần với diện tích 1.045m² đất trồng ở mặt tiền phía ngoài của phần đất trên

với giá 20 tỷ đồng, đóng thuế thu nhập cá nhân 400.000.000 đồng, số tiền còn lại bà N1 trang trải chi phí cho 15 năm đi khiếu kiện, tu sửa tịnh xá và chia cho anh chị em một số, giữ lại cho bản thân bà N1 một số. Cụ thể chia cho các anh chị em và cháu như sau:

- Tiêu Vĩnh Lộc 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nhận ngày 29/4/2020

- Tiêu Thị Kim C1 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), nhận ngày 28/4/2020.

- Tiêu Nhật Quang 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), nhận ngày 28/4/2020.

- Tiêu Trọng Thu 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), nhận ngày 28/4/2020.

- Tiêu Thị Phương Liên 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), nhận ngày 28/4/2020.

- Tiêu Nhựt N2 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), nhận ngày 28/4/2020.

- Các con của bà Tiêu Thị Mộng H5, do anh Nguyễn Điền S nhận 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nhận ngày 28/4/2020; chị Nguyễn Thị Mộng Đ nhận 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Tại các Giấy xác nhận của những người sau đây xác nhận không khiếu nại và tranh chấp đất đai tại số A, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh với bà Tiêu Kim N1 và các con bà N1 là: Chị Nguyễn Thị Mỹ C (con bà Tiêu Thị Mộng H5); ông Tiêu Trọng T1; chị Tiêu Thị Mộng X; anh Tiêu Nhựt N4; chị Tiêu Mỹ L6; chị Tiêu Mỹ L5 (chị X, anh N4, chị L6, chị L5 là con của ông Tiêu Văn T4 với người vợ trước); cháu Tiêu Tuyết N3 và cháu Tiêu Tuyết L7 (con của Tiêu Nhựt Đ1, cháu nội của ông Tiêu Văn T4). Ngoài ra, còn có các con bà H6 ở nước ngoài cũng không nhận và không tranh chấp đất này với bà N1.

Do tuổi cao, sức khỏe không được tốt, ngày 21/4/2020 bà N1 đã sang tên phần đất còn lại cho 02 con của bà N1 là Nguyễn Thị Ngọc Q1 và Nguyễn Công H2 quản lý, sử dụng với điều kiện vẫn làm nơi thờ cúng và không được sang nhượng.

Bà N1 không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 5.593m² tọa lạc tại số A, đường T, Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh của chị Nguyễn Thị Phương T (chị T chết, chồng là anh Lê Thanh L và 02 con là: Lê Thanh V và Lê Đình Phương kế t quyền và nghĩa vụ của chị T, tiếp tục khởi kiện).

Mặt khác, khi chuyển nhượng cho ông C2 1.045,5m² đất trống mặt tiền phía ngoài, một phần bà N1 trang trải chi phí đi khiếu kiện trong 15 năm của bà, một phần tu sửa tịnh xá Ngọc T5 và một phần bà N1 cũng đã chia cho các anh, chị, em, cháu số tiền như đã nêu trên. Phần đất còn lại 02 con bà N1 vẫn giữ làm tịnh xá thờ cúng, bảo đảm việc hành đạo bình thường của Tăng ni, phật tử hoạt động theo đúng luật pháp của Nhà nước Việt Nam trong tịnh xá Ngọc T5. Bà N1 không đồng ý bán tịnh xá để chia thừa kế hoặc cắt tịnh xá để chia theo yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Tiêu Vĩnh L2, bà Tiêu Thị Kim C1, ông Tiêu Nhật Q, bà Tiêu Thị Phương L4, ông Tiêu Nhật N2, đều trình bày: Xác nhận thống nhất về quan hệ thừa kế, hàng thừa kế của cụ T3, cụ M như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày; xác nhận tài sản tranh chấp là phần đất diện tích 5.593m² tọa lạc tại số A, đường T, Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là do cụ T3, cụ M tạo lập. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì những người này có chung ý kiến và yêu cầu: Đề nghị giữ phần đất còn lại là di sản của cụ T3, cụ M làm di sản dùng vào việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Yêu cầu bà N1 sang tên quyền sử dụng đất lại cho những người thừa kế cùng đứng tên đồng sở hữu để cùng thờ cúng. Đối với phần đất phía trước bà N1 đã chuyển nhượng cho ông Mai Thành C2 thì tất cả đều không tranh chấp.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Mỹ C (con bà Tiêu Thị Mộng H5); ông Tiêu Trọng T1; chị Tiêu Thị Mộng X; anh Tiêu Nhật N4; anh Tiêu Nhật H1, chị Tiêu Mỹ L6; chị Tiêu Mỹ L5, anh Tiêu Anh T2 (là con của ông Tiêu Văn T4); cháu Tiêu Tuyết N3 và cháu Tiêu Tuyết L7 (con của Tiêu Nhật Đ2, cháu nội của ông Tiêu Văn T4) đều xác nhận thống nhất về quan hệ thừa kế, hàng thừa kế của cụ T3, cụ M như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày; những người này có lời khai, đơn xác nhận không khiếu nại và tranh chấp đất đai đối với phần đất diện tích 5.593m² tọa lạc tại số A, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh với bà Tiêu Kim N1 và các con bà N1.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Diên H, ông Nguyễn Diên S, bà Nguyễn Thị Mộng Đ do ông Nguyễn Văn V1 làm đại diện đều thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Ngọc Q1 và anh Nguyễn Công H2, có văn bản trình bày:

Nguyên ông bà ngoại của anh, chị có một mảnh đất 5000m² tọa lạc tại số A, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T (trước kia là Tịnh xá N), lần lượt từ năm 1976 – 1980, 1985 ông bà ngoại của các anh, chị chết đi được chôn cất bên mảnh đất trên. Được sự ủy quyền thừa kế của các anh chị em trong gia đình, mẹ của anh, chị là bà Tiêu Kim N đã đăng ký quản lý và sử dụng mảnh đất trên. Ngày 18/4/1991 bà Tiêu Kim N1 được UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 202/ĐKRĐ. Năm 1993 bà N1 có xây dựng hàng rào và nhà bếp trên khu đất trên.

Ngày 17/12/2012, do có sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân P1 theo thông báo số 405/TB-VPCP giao phần đất trên cho bà T7 Kim N1 quản lý và sử dụng theo luật đất đai. Và mẹ của anh, chị (bà N1) được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BP406266 ngày 22/10/2013 do U cấp. Quá trình sử dụng mảnh đất trên gia đình của anh, chị hàng ngày chăm sóc, thuê người làm cỏ, quét dọn nơi thờ tự, chăm lo thờ cúng.

Tháng 4/2020, do tuổi cao sức yếu mẹ của anh, chị (bà N1) đã chia thừa kế cho hai anh, chị được quản lý và sử dụng mảnh đất trên, diện tích 3803.2m² với

điều kiện: Không được sang nhượng, mua bán, chỉ để thờ cúng ông bà và dòng họ gia đình. Ngày 21/4/2020 chị Q1 và anh H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV481251 cùng đồng sở hữu, sử dụng.

Nay bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện đòi chia phần thừa kế mảnh đất trên; chị Q1, anh H2 có một số ý kiến như sau

+ Bà T và các đương đơn khác không có quyền và nghĩa vụ gì trong mảnh đất trên. Trong khi bà N1 đã được thừa kế hợp pháp và được chính quyền và Văn phòng C4 công nhận.

+ Chị Q1, anh H2 không đồng ý chia đất theo yêu cầu của các đương đơn trên bởi vì mẹ tôi đã đứng tên sở hữu đất này từ 1991, được chính quyền, công nhận trên 30 năm.

+ Chị Q1, anh H2 xin phép được vắng mặt trong các buổi hòa giải, phán xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Thành C2 có yêu cầu độc lập và tại tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C2 đã trình bày: ông C2 giữ nguyên yêu cầu độc lập và nội dung như bản tự khai ngày 31/10/2022 đã giao nộp cho Tòa án.

Thứ nhất về việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà Tiêu Kim N và ông Mai Thành C2: Năm 2020, ông C2 được biết bà Tiêu Kim N1 có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Qua trao đổi, ông C2 được bà N1 cho xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N1 được quyền sử dụng riêng đối với thửa đất diện tích 1.045,5m² tại: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà N1 còn cho biết thửa đất không có tranh chấp, khiếu kiện và cũng bị không bị kê biên để thi hành án.

Theo quy định tại Khoản 16, Điều 3, Luật Đất đai: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.*” Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai quy định: *Người sử dụng đất được thực hiện quyền chuyển nhượng khi có các điều kiện sau đây: Có giấy chứng nhận, đất không có tranh chấp, quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án, trong thời hạn sử dụng đất.*

Căn cứ các quy định trên, bà N1 có đủ điều kiện để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, ông C2 đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất 1.045,5m² của bà N1. Ngày 27/3/2020, ông C2 và bà N1 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 2063, Quyền số 05.TP/CC-SCC/HDGD tại Văn phòng C5, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (“Hợp đồng”) với nội dung chính: Bà N1 chuyển nhượng cho ông C2 toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, diện tích 1.045,5m² tại địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (“Thửa Đất”) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV002293, số vào sổ cấp GCN: CS09436 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 11/3/2020 mang tên bà T7 Kim N1; Giá chuyển nhượng là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng); Bà N1 cam đoan:

+ Thừa đất thuộc trường hợp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

+ Quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà N1 và không có tranh chấp, khiếu kiện.

+ Quyền sử dụng đất không bị ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào bởi các việc: thế chấp, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, phân chia tài sản thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 167 Luật Đất đai quy định: “Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau:

a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này”.

Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N1 và ông C2 được công chứng theo đúng quy định. Do đó Hợp đồng chuyển nhượng này có hiệu lực pháp luật.

Thứ hai về việc thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng:

Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng, ông C2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với bên chuyển nhượng là bà N1 và thực hiện đúng các thủ tục với cơ quan nhà nước, cụ thể như sau: Ngày 27/3/2020 và ngày 05/5/2020, ông đã thanh toán đủ cho bà N1 số tiền 20 tỷ đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng. Bà N1 đã bàn giao hồ sơ liên quan đến đất như: GCN QSD đất đứng tên bà N1, GCN đăng ký ruộng đất, biên lai văn bản nộp thuế đất, ... và bàn giao trên thực địa thửa đất 1.045,5m² cho ông C2. Việc bàn giao đất trên thực địa đã được Chủ tịch A1, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh ký xác nhận. Sau đó, ông C2 thực hiện các thủ tục đề nghị cấp GCN QSD đất theo quy định của pháp luật. Ngày 15/4/2020, ông C2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSD đất, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất số CV 481207, số vào sổ cấp GCN: CS09521 đối với thửa đất nhận chuyển nhượng của bà N1. Khi ông C2 nhận chuyển nhượng Thửa Đất và làm thủ tục sang tên, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Việc ông C2 nhận chuyển nhượng đất của bà N1 là công khai, minh bạch, ngay tình và đã hoàn thành. Ông C2 đã được cấp GCN QSDĐ, quản lý đất và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất với Nhà nước từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Từ các căn cứ trên, ông C2 đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết như sau: Ông C2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với thửa Đất ông C2 đã nhận chuyển nhượng của bà N1. Ông C2 đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất bà N1 đã chuyển nhượng cho ông C2 và công nhận quyền sở hữu hợp pháp của ông Mai Thành C2 đối với quyền sử dụng Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 70, diện tích 1.045,5m² tại địa chỉ: khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 481207, số vào sổ cấp GCN: CS09521.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp đối với phần diện tích đất bà N1 đã chuyển nhượng cho ông C2. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và tuyên công nhận quyền sở hữu hợp pháp của ông Mai Thành C2 đối với quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS-ST ngày 6 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 153, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 645 và Điều 649 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lê Thanh L, anh Lê Thanh V, anh Lê Đình P).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, diện tích 1.045,5m² tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Thành C2. Công nhận quyền sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 1.045,5m² thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh của ông Mai Thành C2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 481207, số vào sổ cấp GCN: CS09521, do Sở T cấp cho ông Mai Thành C2 ngày 15-4-2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/10/2023, ông Nguyễn Văn V1, là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên hiện trạng diện tích 3.803,2m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số CV481251 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho Nguyễn Thị Ngọc Q1, Nguyễn Công H2 vào ngày 21/04/2022; tọa lạc tại số A T khu phố A, phường A, thành phố T làm nhà hương quả để thờ cúng ông Tiêu Văn T3, cụ Lý Thị M1 và một người cậu vợ, không được quyền mua bán chuyển nhượng tặng cho người thứ ba dưới mọi hình thức.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế trước đây do ông bà ngoại của bà T là cụ Tiêu Văn T3 và cụ Lý Thị M tạo dựng. Tuy nhiên sau khi các cụ T và cụ T3 qua đời, không để lại di chúc nhưng ngày 20/3/1997 tất cả các anh chị em của bà N1 (trừ ông T4 đã chết và bà H6 đang ở nước ngoài) còn lại là: Tiêu Thị Mộng H5 (mẹ chị T), Tiêu V, Tiêu Thị Kim C1, Tiêu Nhật Q, Tiêu Trọng T1, Tiêu Thị Phượng L4, Tiêu Nhựt N2 ký “Giấy ủy quyền” cho bà N1. Thực chất là giao hẳn quyền hữu, sử dụng cho bà N1. Thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lê Thanh L nộp trong thời hạn nên đủ điều kiện để thụ lý phúc thẩm.

[2] Cụ T3, cụ M đều chết trước năm 1990 nhưng không để lại di chúc. Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, vụ án có ông Lạc Như H4, Lạc Thanh D1, Lạc Hồng H và Lạc Minh Q2 đang sinh sống ở nước ngoài. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh áp dụng Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xác định thời điểm mở thừa kế tính từ ngày 10/9/1990 và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hàng thừa kế xác định:

Các đương sự thống nhất hàng thừa kế gồm có 10 người con của cụ T3 và cụ M như sau:

(1) Bà Tiêu Thị Mộng H5 (chết năm 2020) có 05 người con gồm: Nguyễn Điền H, Nguyễn Điền S, Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Thị Mỹ C và Nguyễn Thị Phương T (chết năm 2022; có chồng là Lê Thanh L và 02 người con là Lê Thanh V và Lê Đình Phương kế t quyền và nghĩa vụ tố tụng).

(2) Ông Tiêu Văn T4 (chết năm 1988) có 02 vợ là Võ Thị B1 và Võ Thị Yến

T8; có 09 người con gồm: Tiêu Nhựt Đăng (chết năm 2000, có 02 con là Tiêu Tuyết N3, Tiêu Tuyết L); Tiêu Thị Mộng X; Tiêu Nhựt N4; Tiêu Nhựt H1, Tiêu M; Tiêu M; Tiêu Kim Á; Tiêu Anh T2; Tiêu Anh K.

(3) Bà Tiêu Kim H6 (chết năm 2018) có 04 người con gồm: Lạc Như H4, Lạc Thanh D1, Lạc Hồng H và Lạc Minh Q2.

(4) Ông Tiêu Vĩnh L2 (L3);

(5) Bà Tiêu Thị Kim C1;

(6) Bà Tiêu Kim N1;

(7) Ông Tiêu Nhựt Q;

(8) Ông Tiêu Trọng T1;

(9) Bà Tiêu Thị Phượng L4;

(10) Ông Tiêu Nhựt N2.

[2] Về di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất diện tích 5.593m² (đo đạc thực tế 4.802,8m²) thuộc thửa đất 201, 202 tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ T3 và cụ M tạo lập trước năm 1975. Trước đây cụ T3, cụ M có cho Tịnh xá Ngọc T5 sử dụng làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo và sau khi 02 cụ chết thì phát sinh tranh chấp giữa các con cụ T3 với Tịnh xá Ngọc T5. Kết quả giải quyết tranh chấp thì bà N1 (con của cụ T3, cụ M) được chấp nhận khiếu nại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/2013. Đến ngày 27/3/2020, bà N1 chuyển nhượng cho ông Mai Thành C2 diện tích 1.045,5m². Ngày 06/4/2020, bà N1 tặng cho 02 con là ông Nguyễn Công H2 và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 toàn bộ diện tích còn lại. Hiện nay, phần đất tranh chấp gồm 02 thửa:

- Thửa 201: diện tích 3.757,3m² do ông Nguyễn Công H2, Nguyễn Thị Ngọc Q1 đứng tên.

- Thửa 202: diện tích 1.045,5m² do ông Mai Thành C2 đứng tên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất bà N1 đã chuyển nhượng cho ông C2 diện tích 1.045,5m², thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, tọa lạc Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích tranh chấp mà yêu cầu bà N1 giữ nguyên hiện trạng diện tích đất 3.803,2m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q1, ông H2 để làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ, không được quyền chuyển nhượng tặng cho thế chấp đối với phần đất này. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn làm phát sinh quan hệ pháp luật mới. Đáng lẽ, Tòa án sơ thẩm cần nhận định không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi

kiện này của ông Nguyễn Văn V1 theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng xét thấy, yêu cầu chia thừa kế tài sản ban đầu lớn hơn và bao trùm yêu cầu không được làm thay đổi hiện trạng đối với di sản là diện tích đất còn lại. Đồng thời việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu thay đổi tại phiên tòa sơ thẩm cũng phải được xem xét từ yêu cầu thừa kế tài sản. Do đó việc chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên khi quyết định trong bản án sơ thẩm, Tòa án tỉnh Tây Ninh không tuyên cụ thể với yêu cầu gì cần rút kinh nghiệm.

[5] Xét thấy, mặc dù nguồn gốc tài sản là do cụ T3 và cụ M tạo lập. Tuy nhiên khi còn sống, cụ T3, cụ M không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Năm 1991, bà N1 đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký đất ruộng. Bà N1 là người trực tiếp quản lý, trông coi tịnh xá và thực hiện việc xây hàng rào, sửa chữa tịnh xá và cũng là người đóng thuế đất hàng năm từ năm 1992 đến nay.

Năm 1995, bà N1 mời ông Đỗ Văn B về làm trụ trì tịnh xá, tại giấy cam kết lập ngày 05/9/1995 có xác nhận của Ban A1, thị xã T thể hiện nội dung “*Tôi xin nguyện hết lòng hoạt động phật sự đúng theo tinh thần pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời tôn trọng chủ quyền đất của bà Tiêu Kim N1, không làm ảnh hưởng đến chủ quyền đất đai của bà Tiêu Kim N1*”. Đến năm 1997, khi có phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất với ông B, trong suốt quá trình bà N1 đi khiếu kiện, tranh chấp 15 năm, đến khi được trả lại đất và bà N1 được cấp GCN QSDĐ vào năm 2013 thì tất cả các anh, chị em của bà N1 không có ai tranh chấp hay có ý kiến phản đối gì khác.

Hơn nữa, ngày 20/3/1997, các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ M là các ông bà Tiêu Thị Mộng H5 (mẹ của bà T - nguyên đơn), ông Tiêu Vĩnh L2, bà Tiêu Thị Kim C1, ông Tiêu Nhật Q, ông Tiêu Trọng T1, bà Tiêu Thị Phương L8, ông Tiêu Nhựt N2 ký “Giấy ủy quyền” nội dung: “*Nguyên cha mẹ chúng tôi là ông Tiêu Văn T3 sinh năm 1917 và bà Lý Thị M là chủ sở hữu nhà và đất tại số B đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã T (tịnh xá N). Theo luật thừa kế chúng tôi là đồng sở hữu thừa kế phần đất trên, chúng tôi đồng ý ủy quyền sử dụng đất và sở hữu nhà cho em và chị chúng tôi là: Tiêu Kim N1 sinh năm 1955, ngụ tại A, đường N, khu phố B, Phường B, thị xã T, kể từ nay bà Tiêu Kim N1 được quyền thừa hưởng và sử dụng phần đất trên. Sau này chúng tôi không ai được quyền tranh chấp*”. Như vậy, các đồng thừa kế đều thống nhất cho bà N1 được quyền thừa hưởng và sử dụng phần đất không ai được quyền tranh chấp đối với tài sản là QSDĐ nêu trên.

Mặt khác, năm 2020 bà N1 chuyển nhượng diện tích 1.045,5m² cho ông Mai Thành C2 và phân chia tiền cho các đồng thừa kế: Tiêu V nhận 800.000.000 đồng, Tiêu Thị Kim C1 800.000.000 đồng, T7 Nhật Quang 900.000.000 đồng, Tiêu Trọng T1 900.000.000 đồng, Tiêu N8 Nam 1.000.000.000 đồng, các con của bà Tiêu Thị Mộng H5 (trong đó ông S nhận 400.000.000 đồng, bà Đ nhận 50.000.000 đồng), khi đó cũng không ai tranh chấp, ngăn cản gì.

Do đó, có căn cứ xác định phần đất tọa lạc tại số A đường T, Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo GCN QSDĐ do bà T7 Kim Ngọc đứng

tên, diện tích 4.848,70m² không còn là di sản do cụ T3, cụ M để lại. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh L (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn V1) kháng cáo nhưng không có chứng cứ tài liệu gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Thanh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Phương T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 153, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 645 và Điều 649 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lê Thanh L, anh Lê Thanh V, anh Lê Đình P*) về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” với bà Tiêu Kim N1 đối với quyền sử dụng đất diện tích 5.593m² (đo đạc thực tế 4.802,8m²) thuộc thửa đất 201, 202 tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, diện tích 1.045,5m² tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Thành C2. Công nhận quyền sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 1.045,5m² thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh của ông Mai Thành C2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 481207, số vào sổ cấp GCN: CS09521, do Sở T cấp cho ông Mai Thành C2 ngày 15-4-2020.

II. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000103 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Nguyên đơn; (3)
- Bị đơn; (1)
- NLQ; (22)
- Lưu VP (6). HS (2). T39b (BA36).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thành Long